TAND HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN
Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày: 14/11/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đào Văn Ngà

2.Ông Lương Văn Kế

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Bà Đào Ngọc Dung.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở UBND xã Đ, Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Đình Đ, sinh năm 1975

HKTT: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên; dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Đình K và bà Trần Thị M; có vợ Nguyễn Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

-Tháng 10/2001, phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có,bị Toà án nhân dân huyện Đ xử 06 tháng tù cho hưởng án treo.

-Tháng 9/2006 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị Toà án nhân dân thành phố Y xử phạt 30 tháng tù, ngày 04/8/2015 thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2017 đến ngày 29/6/2017, tạm giam từ ngày 29/6/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *Có mặt*.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt.*

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn T, xã K, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

3. Anh Trần Văn P, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 26/6/2017, tại khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên, lực lượng Công an huyện T phối hợp cùng công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang Vũ Đình Đ, sinh năm 1975 ở thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý và thu giữ, quản lý vật chứng gồm: 02 gói giấy bên trong đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột nghi là Hêrôin (được niêm phong ký hiệu M1); 01 điện thoại di động loại Samsung J3 vỏ màu vàng kèm theo sim điện thoại số 0869869359.

Quá trình điều tra, Đ khai nhận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/6/2017, khi Đ đang ở nhà thì Trần Văn P đến rủ Đ đi mua Hêrôin. P điều khiển xe máy của P (không rõ biển số) chở Đ đến nhà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975 ở thôn T, xã K, thành phố Y để mua ma tuý về sử dụng chung. Khi đến đầu ngõ nhà T thì P dừng xe rồi đưa cho Đ 200.000đ và bảo Đ vào mua hêrôin. Đ cầm tiền đi bộ một mình đến cổng nhà T thì gặp T đi ra, Đ nói với T "*để cho 200.000đ hêrôin*". T cầm tiền và đi vào trong nhà, khoảng 2 phút sau T đi ra đưa cho Đ 01 gói Hêrôin. Đ cầm gói Hêrôin đi đến nghĩa trang cạnh nhà T và chia làm 02 gói, một gói Đ để ở túi quần sau bên phải còn một gói để dưới áo phần bả vai trái. Sau đó, Đ ra chỗ P đang đứng đợi rồi cả hai đi về địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện T mục đích tìm chỗ sử dụng thì bị lực lượng Công an huyện T kiểm tra, bắt giữ.

Về nguồn gốc số hêrôin bị thu giữ, Đ khai nhận mua của Nguyễn Thanh T. Ngày 26/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đình Đ và Nguyễn Thanh T, kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì. T khai không biết ai là Vũ Đình Đ, sinh năm 1975 ở thôn C, xã T, huyện Đ, ngày 26/6/2017, T không bán ma tuý cho ai nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ xử lý hình sự đối với T.

Đối với chiếc điện thoại di động Sam Sung J3 màu vàng kèm theo sim điện thoại thu giữ của Đ, quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị Nguyễn Thị T. Chị T không biết việc Đ đi mua hêrôin.

Tại bản kết luận giám định số 217/C54 ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng bột và cục trong niêm phong ghi M1 thu của Vũ Đình Đ, có tổng trọng lượng 0,617g là Hêrôin, chất ma tuý nằm trong danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định 82 ngày 17/9/2013 của Chính phủ.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bản cáo trạng số 24/QĐ-VKS-HS ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Vũ Đình Đ về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX thẩm

tra tại phiên toà, lời khai của bị cáo Đ tại phiên toà thừa nhận ngày 26/6/2017 đã cất giấu trái phép 0,617 gam Hêrôin nhằm mục đích sử dụng nên hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS. Do đó, VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 thì hành vi tàng trữ trái phép 0,1 gam đến dưới 05 gam ma tuý có mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Đây là quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 7, Nghị quyết số 41/2017/QH14; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a,b khoản 2 Điều 76 BLTTHS đề nghị HĐXX tịch thu cho tiêu huỷ toàn bộ số Hêrôin còn lại sau giám định; trả lại chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động Sam Sung J3 màu vàng kèm theo sim điện thoại số 0869869359 .

Bị cáo Đ nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/6/2017; Biên bản niêm phong ngày 26/6/2017; lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T; Kết luận giám định số 217/PC54 ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 26/6/2017, tại khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Vũ Đình Đ đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 02 gói giấy nhỏ chứa ma tuý thì bị tổ tuần tra Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Tại bản kết luận giám định số 217/PC54 ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng bột và cục trong niêm phong ghi M1 thu của Vũ Đình Đ, có tổng trọng lượng 0,617g là Hêrôin, chất ma tuý nằm trong danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định 82 ngày

17/9/2013 của Chính phủ. Do đó, bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy từ 0,1 gam đến dưới 05 gam có mức hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù. Còn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 thì hành vi tàng trữ trái phép hêrôin, cocain, Methaphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 thì đây được coi là " *quy định có lợi cho người phạm tội*" nên sẽ được HĐXX áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội tại phiên tòa hôm nay.

[3] .Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo Đ biết rất rõ tác hại của ma túy, việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy phải áp dụng mức hình phạt thích đáng đối với bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa hôm nay.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*". Tuy nhiên, theo cung cấp của chính quyền địa phương, gia đình và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Thanh T là người Đ khai đã bán ma tuý cho Đ nhưng quá trình điều tra và tại phiên toà không có căn cứ xác định T là người bán ma tuý cho Đ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý T là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Trần Văn P là đối tượng Đ khai đã điều khiển xe máy chở Đ đến nhà T và đưa tiền cho Đ mua ma tuý về sử dụng chung, quá trình điều tra và tại phiên toà không có căn cứ xác định P đã thực hiện hành vi trên. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý P là phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng: Trong số vật chứng của vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ cần xử lý như sau:

Đối với số hêrôin còn lại sau giám định là vật bị Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu huỷ toàn bộ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Đối với chiếc 01 điện thoại di động Sam Sung J3 màu vàng kèm theo sim điện thoại số 0869869359 và vỏ hộp giấy. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã làm rõ là tài sản của chị T, chị T không biết Đ đi mua hêrôin và không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm a,b khoản 2 Điều 76 BLTTHS

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình Đ phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*";

1.Áp dụng: khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình Đ **02** năm tù **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vũ Đình Đ.

2.Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a,b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu huỷ toàn bộ số hêrôin còn lại sau giám định.

Trả lại chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động Sam Sung J3 màu vàng, ốp lưng màu xanh kèm theo sim điện thoại số 0869869359 và 01 vỏ hộp điện thoại bằng giấy bên ngoài ghi nhãn hiệu Samsung J3, số Imei: 356504/07/039481/3.

(T*ình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho ngày 18/10/2017 giữa cơ quan Công an và Chi cục THADS T*)

3.Về án phí**:** Bị cáo Vũ Đình Đ phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- CQCSĐT Công an huyện
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương